

Bản án số: 72/2019/HS-ST

Ngày: 28-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Đoàn Minh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và bà Đỗ Thị Mau.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quốc Chương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/HSST-QĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1980, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Ấp Tân B, xã Bình M, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Xa P (Đã ly hôn) và 01 con 05 tuổi; tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 152/2015/HS-ST ngày 25/9/2015 Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích*); đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng trong vụ án khác; có mặt.

2. Phan Đức S, sinh năm 1983, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 7, xã Văn Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Đức D và bà Phan Thị T; có vợ là Dương Thị H và 01 con 10 tuổi; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2002/HSST ngày 29/10/2002 Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (*đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích*); đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng trong vụ án khác; có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm: 1985; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Nghĩa Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông; anh Trần Văn T, sinh năm: 1978; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tr, thị xã G, tỉnh Đắk Nông; chị Hoàng Thị Hải Y, sinh năm: 1995; địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Nghĩa Tr, thị xã G, tỉnh Đắk Nông. Đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 43/20 Bình Đường 1, phường An B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 16/4/2019 Nguyễn Văn T rủ Phan Đức S đón xe khách, đi từ thị xã D, tỉnh Bình Dương đến địa bàn thị xã G, tỉnh Đắk Nông để trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 17/4/2019 cả hai đến nơi và thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ 81 thuộc tổ dân phố 2, phường Nghĩa T. Sau đó, T mượn 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Sirius không rõ biển kiểm soát, của đối tượng H (*Chưa xác định được nhân thân*) để làm phương tiện đi trộm cắp. T điều khiển xe mô tô chở S đi đến địa bàn huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trộm cắp tài sản, sau đó quay lại thị xã G để tiếp tục tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi dọc theo đường Q, ngang qua Trung tâm thi đấu thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông, thuộc tổ dân phố 2, phường Nghĩa T, quan sát thấy khu vực nhà xe của trung tâm có nhiều xe mô tô, nên T dừng xe lại để S đứng ngoài cảnh giới, còn T đi bộ vào nhà xe dùng tuốc nơ vít và kim kim loại (*T chuẩn bị từ trước*) phá ổ khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng SH mode, BKS 48B1-306.14 của chị Nguyễn Thu H (*Là cán bộ của Trung tâm thi đấu thể dục thể thao*), rồi điều khiển về thị xã D, tỉnh Bình Dương để tiêu thụ.

Khi về đến thị xã D, phát hiện trong cốp xe mang BKS 48B1-306.14 có sẵn 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe và Giấy chứng minh nhân dân đều mang tên chị Nguyễn Thu H, nên sáng ngày 18/4/2019 T nói S mang chiếc xe đi cầm cố để được nhiều tiền hơn, đồng thời nói với Nguyễn Thị Kiều O (*sinh năm 1992*), hộ khẩu thường trú: 82/7C, khu phố Đ, phường An B, thị xã D, tỉnh Bình Dương (*O và T chung sống với nhau như vợ chồng*) đi cùng S. Khi đi, O có hỏi về nguồn gốc xe thì S bảo xe này của em gái S, cho S mượn. Cả hai đến tiệm cầm đồ Tuấn H thuộc phường An B, thị xã D, do anh Nguyễn Văn H (*sinh năm 1986*) làm chủ, cầm cố được số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền này, T và S chia nhau mỗi người 15.000.000 đồng, sau đó tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 04/5/2019, T và S tiếp tục trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm phát hiện và bắt giữ.

Quá trình điều tra mở rộng, Nguyễn Văn T khai nhận ngoài vụ trộm cắp trên thì trước đó T đã 02 lần trộm cắp tài sản tại địa bàn thị xã G, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 16/3/2019, T cùng đối tượng Cao Danh S (*Chưa xác định được nhân thân, T khai S sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: Xóm 20, xã Diên P, huyện Diên C, tỉnh Nghệ An*), rủ nhau đi từ thị xã D đến thị xã G để trộm cắp tài sản. Đến sáng ngày 17/3/2019 thì đến thị xã G, sau đó S mượn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, không rõ biển kiểm soát của đối tượng H (*Chưa xác định được nhân thân*) chở T đi vòng khu vực nội thị. Khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, khi ngang qua quán cà phê P thuộc tổ dân phố 5, phường Nghĩa Tr, thấy trong quán có nhiều xe mô tô, nên S dừng xe bên đường đứng đợi còn T đi vào quán giả vờ gọi cà phê. Thấy quán không có người, nên S đã tìm lấy 01 chùm chìa khóa đang treo

trên vách tường của quán, mở khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave, BKS 48B1-512.38, của anh Trần Văn T. Sau đó cùng S điều khiển chiếc xe này đến khu vực Bến xe Lam H, thị xã D bán cho một người đàn ông (*Chưa xác định được nhân thân*) được 9.000.000 đồng, rồi chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 25/3/2019, T một mình đón xe khách từ thị xã D đến thị xã G tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày T đi bộ đến khu vực Trường mầm non M thuộc tổ dân phố 4, phường Nghĩa Tr, quan sát thấy bên trong nhà để xe của giáo viên có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Vision, BKS 48B1-460.75 của chị Hoàng Thị Hải Y, trên xe có cắm sẵn chìa khóa. T đột nhập vào trong qua cổng phụ, dắt chiếc xe ra khỏi khuôn viên trường rồi nổ máy điều khiển về khu vực Bến xe Lam H, thị xã D, bán cho một người đàn ông (*Chưa xác định được nhân thân*) được 10.500.000 đồng, số tiền có được T tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG ngày 06/5/2019, số 12/KL-HĐĐG, số 13/KL-HĐĐG ngày 12/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thị xã Gia Nghĩa, kết luận: Tại thời điểm bị trộm cắp, chiếc xe mô tô kiểu dáng SH mode BKS 48B1-306.14, trị giá 32.640.000 đồng; Chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave, BKS 48B1-512.38, trị giá 10.800.000 đồng; Chiếc xe mô tô kiểu dáng Vision BKS 48B1 – 460.75, trị giá 21.840.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tại tiệm cầm đồ Tuấn H: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng SH mode, BKS 48B1-306.14; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 48B1-306.14; 01 Giấy chứng minh nhân dân. Tất cả đều mang tên Nguyễn Thu H.

Đối với 01 tuốc nơ vít, 01 kim kim loại, 02 chiếc xe mô tô BKS 48B1-512.38 và BKS 48B1-460.75, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

Cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 24/9/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Phan Đức S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Đức S thừa nhận Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng người, đúng pháp luật.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa giữ nguyên quyết định truy tố; sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Đức S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Đức S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại chị Nguyễn Thu H không yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn H yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Đức S phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Bị hại anh Trần Văn T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền 10.800.000 đồng. Bị hại chị Hoàng Thị Hải Y yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền 21.840.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị chấp nhận ngày 22/7/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa ra Quyết định xử lý vật chứng số 730 trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng SH mode, BKS 48B1-306.14; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 48B1-306.14; 01 Giấy chứng minh nhân dân cho chị Nguyễn Thu H là chủ sở hữu hợp pháp.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 17/4/2019, tại Trung tâm thi đấu thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông, thuộc tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tr, thị xã G, Nguyễn Văn T và Phan Đức S đã lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thu H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng SH mode, BKS 48B1-306.14. Tại kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản thì 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng SH mode, BKS 48B1-306.14 trị giá 32.640.000 đồng.

Trước đó Nguyễn Văn T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp khác trên địa bàn thị xã G. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 17/3/2019, tại quán cà phê P thuộc tổ dân phố 5, phường Nghĩa Tr, Nguyễn Văn T đã lén lút chiếm đoạt của anh Trần Văn T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave, BKS 48B1-512.38, trị giá 10.800.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 25/3/2019 tại Trường Mầm non M thuộc tổ dân phố 4, phường Nghĩa Tr, Nguyễn Văn T đã lén lút chiếm đoạt của chị Hoàng Thị Hải Y 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Vision, BKS 48B1 – 460.75, trị giá 21.840.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn T 03 lần trộm cắp tài sản, có tổng trị giá là 65.280.000 đồng; Phan Đức S 01 lần trộm cắp tài sản, trị giá 32.640.000 đồng. Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phan Đức S thực hiện cùng Nguyễn Văn T 01 lần trộm cắp vào ngày 17/4/2019, tài sản trị giá 32.640.000 đồng. Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Phan Đức S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, cụ thể:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ”.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, bất an trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có đủ điều kiện để nhận thức được trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lối sống buông thả, lười lao động, thích hưởng thụ, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Các bị cáo đều có nhân thân xấu: Bị cáo Nguyễn Văn T 03 lần trộm cắp tài sản thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, bị cáo mới chấp hành xong hình phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 152/2015/HS-ST ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, chưa được xóa án tích, mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, thuộc trường hợp tái phạm, đây là hai tình tiết tăng nặng quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngày 01/02/2019, bị cáo Nguyễn Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương khởi tố bị can; đến ngày 30/5/2019 ra Quyết định truy nã về tội Trộm cắp tài sản. Tiếp đó, các ngày 17, 25/3/2019, 17/4/2019 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên tại thị xã Gia Nghĩa.

Đối với bị cáo Phan Đức S, tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2002/HSST ngày 29/10/2002 Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích. Ngày 17/4/2019 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên cùng với bị cáo Nguyễn Văn T tại thị xã Gia Nghĩa. Ngày 04/5/2019, cùng bị cáo Thảo trộm cắp tài sản tại huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra, ngày 17/4/2019 Nguyễn Văn T và Phan Đức S thực hiện hành vi trộm cắp tại huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R’lấp đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra.

Do đó, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù có thời hạn, với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo nhằm trừng trị và giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng và đấu tranh chống tội phạm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Văn T đã tự khai nhận những lần trộm cắp trước đó, thuộc trường hợp người phạm tội tự thú, đây là tình tiết giảm nhẹ quy

định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Sau khi nhận lại tài sản, bị hại chị Nguyễn Thu H không yêu cầu gì thêm nên không đề cập xử lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn H yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Đức S phải bồi thường số tiền đã cầm cố chiếc xe máy là 30.000.000 đồng. Các bị cáo hưởng lợi từ số tiền này như nhau (mỗi bị cáo 15.000.000 đồng), nên buộc mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 15.000.000 đồng.

Bị hại anh Trần Văn T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền 10.800.000 đồng. Bị hại chị Hoàng Thị Hải Y yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền 21.840.000 đồng, xét thấy yêu cầu của anh Nguyễn Văn H, anh Trần Văn T, chị Hoàng Thị Hải Y là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng SH mode, BKS 48B1-306.14; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 48B1-306.14; 01 Giấy chứng minh nhân dân là tài sản của chị Nguyễn Thu H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa đã trả lại cho chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với 01 tuốc nơ vít, 01 kim kim loại, 02 chiếc xe mô tô BKS 48B1-512.38 và BKS 48B1-460.75, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được, nên không đề cập xử lý.

[7] Trong vụ án này, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, thông báo truy tìm các đối tượng H và Cao Danh S nhưng đến nay chưa xác định được nhân thân và chưa làm việc được với các đối tượng. Vì vậy, ngày 07/9/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 881 để tiếp tục điều tra, xác minh theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị Kiều O đã cùng bị cáo Phan Đức S cầm cố chiếc xe mô tô BKS 48B1 – 306.14, chị O không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có và không nhận được lợi ích gì, nên không đề cập xử lý là có căn cứ chấp nhận.

Đối với anh Nguyễn Văn H, khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 48B1 – 306.14, anh H không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý là có căn cứ chấp nhận.

Đối với hành vi trộm cắp xảy ra ngày 17/4/2019 tại huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R’lấp đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra, xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

[8] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Đức S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; các

điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Đức S **02 (hai) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Đức S phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), cụ thể, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền 10.800.000đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng). Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Hoàng Thị Hải Y số tiền 21.840.000đ (hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận ngày 22/7/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa ra Quyết định xử lý vật chứng số 730 trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng SH mode, BKS 48B1-306.14; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 48B1-306.14; 01 Giấy chứng minh nhân dân cho chị Nguyễn Thu H là chủ sở hữu hợp pháp.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Đức S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 2.382.000đ (hai triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Phan Đức S phải nộp 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TX Gia Nghĩa;
- Phòng PC 06 và PC 10 CA tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Gia Nghĩa;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TX G;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đoàn Minh Hương